Số: 1245/QĐ-SYT; 18/11/2026; 18:03:45;

DANH MỤC KỸ THUẬT THỰC HIỆN TẠI
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA ĐỒNG KHANG THUỘC CÔNG TY TNHH MTV ĐỒNG KHANG
Theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / 11/2026 của Sở Y tế Đồng Nai)

STT (cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
1	1.1	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường
2	1.2	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
3	1.3	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục
4	1.5	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Làm test phục hồi máu mao mạch
5	1.6	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên
6	1.1	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Chăm sóc catheter tĩnh mạch
7	1.28	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Theo dõi SPO2 liên tục tại giường
8	1.51	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Hồi sức chống sốc
9	1.52	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Cầm chảy máu ở lỗ mũi sau bằng ống thông có bóng chèn
10	1.57	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thở oxy qua gọng kính
11	1.58	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thở oxy qua mặt nạ không có túi
12	1.61	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)
13	1.63	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thở oxy qua mặt nạ venturi
14	1.64	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em
15	1.65	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Bóp bóng ambu qua mặt nạ
16	1.66	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Đặt nội khí quản
17	1.69	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu
18	1.78	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Rút ống nội khí quản
19	1.86	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)
20	1.157	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
21	1.158	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản
22	1.164	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thông bàng quang
23	1.221	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thụt tháo
24	1.222	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thụt giữ
25	1.223	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Đặt ống thông hậu môn
26	1.246	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Đo lượng nước tiểu 24h

27	1.251	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)
28	1.252	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch
29	1.259	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Rửa mắt tẩy độc
30	1.269	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn
31	1.27	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
32	1.275	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Băng bó vết thương
33	1.276	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
34	1.277	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
35	2.1	02. NỘI KHOA	Bóp bóng ambu qua mặt nạ
36	2.85	02. NỘI KHOA	Điện tim thường
37	2.128	02. NỘI KHOA	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)
38	2.15	02. NỘI KHOA	Hút đờm hầu họng
39	2.151	02. NỘI KHOA	Lấy máu tĩnh mạch bẹn
40	2.188	02. NỘI KHOA	Đặt sonde bàng quang
41	2.195	02. NỘI KHOA	Đo lượng nước tiểu 24h
42	2.233	02. NỘI KHOA	Rửa bàng quang
43	2.247	02. NỘI KHOA	Đặt ống thông hậu môn
44	2.273	02. NỘI KHOA	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - tiêm xơ búi trĩ
45	2.292	02. NỘI KHOA	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - thắt trĩ bằng vòng cao su
46	2.297	02. NỘI KHOA	Nội soi hậu môn ống cứng
47	2.314	02. NỘI KHOA	Siêu âm ổ bụng
48	2.336	02. NỘI KHOA	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân
49	2.337	02. NỘI KHOA	Thụt thuốc qua đường hậu môn
50	2.363	02. NỘI KHOA	Hút ổ viêm/áp xe phần mềm
51	2.374	02. NỘI KHOA	Siêu âm phần mềm (một vị trí)
52	5.44	05. DA LIỄU	Điều trị sùi mào gà bằng đốt điện
53	5.45	05. DA LIỄU	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện
54	5.46	05. DA LIỄU	Điều trị u mềm treo bằng đốt điện
55	5.47	05. DA LIỄU	Điều trị dày sừng da dầu bằng đốt điện
56	5.48	05. DA LIỄU	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng đốt điện
57	5.49	05. DA LIỄU	Điều trị sẩn cục bằng đốt điện
58	5.5	05. DA LIỄU	Điều trị bớt sùi bằng đốt điện
59	5.51	05. DA LIỄU	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn
60	10.164	10. NGOẠI KHOA	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản
61	10.354	10. NGOẠI KHOA	Thay ống thông dẫn lưu thận, bàng quang
62	10.356	10. NGOẠI KHOA	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang
63	10.41	10. NGOẠI KHOA	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài
64	10.411	10. NGOẠI KHOA	Cắt hẹp bao quy đầu
65	10.412	10. NGOẠI KHOA	Mở rộng lỗ sáo
66	10.565	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn

67	10.566	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn (condylome)
68	10.954	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu
69	BS_10.1166	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật cắt – tạo hình hãm da bao quy đầu dương vật
70	BS_10.1274	10. NGOẠI KHOA	Thay băng
71	BS_10.1275	10. NGOẠI KHOA	Cắt chỉ
72	13.3	13. PHỤ SẢN	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo
73	13.32	13. PHỤ SẢN	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn
74	13.34	13. PHỤ SẢN	Cắt và khâu tầng sinh môn
75	13.37	13. PHỤ SẢN	Kiểm soát tử cung
76	13.4	13. PHỤ SẢN	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn
77	13.41	13. PHỤ SẢN	Khám thai
78	13.49	13. PHỤ SẢN	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ
79	13.53	13. PHỤ SẢN	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung
80	13.54	13. PHỤ SẢN	Trích áp xe tầng sinh môn
81	13.144	13. PHỤ SẢN	Thủ thuật xoắn polyp cổ tử cung, âm đạo
82	13.145	13. PHỤ SẢN	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...
83	13.147	13. PHỤ SẢN	Cắt u thành âm đạo
84	13.148	13. PHỤ SẢN	Lấy dị vật âm đạo
85	13.149	13. PHỤ SẢN	Khâu rách cùng đồ âm đạo
86	13.151	13. PHỤ SẢN	Trích áp xe tuyến Bartholin
87	13.152	13. PHỤ SẢN	Bóc nang tuyến Bartholin
88	13.153	13. PHỤ SẢN	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh
89	13.154	13. PHỤ SẢN	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo
90	13.155	13. PHỤ SẢN	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn
91	13.157	13. PHỤ SẢN	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết
92	13.163	13. PHỤ SẢN	Trích áp xe vú
93	13.165	13. PHỤ SẢN	Khám phụ khoa
94	13.166	13. PHỤ SẢN	Soi cổ tử cung
95	13.167	13. PHỤ SẢN	Làm thuốc âm đạo
96	13.225	13. PHỤ SẢN	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại nhiều nang)
97	13.226	13. PHỤ SẢN	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại một nang)
98	13.228	13. PHỤ SẢN	Đặt và tháo dụng cụ tử cung
99	13.238	13. PHỤ SẢN	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không
100	13.239	13. PHỤ SẢN	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần
101	13.241	13. PHỤ SẢN	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không
102	BS_13.248	13. PHỤ SẢN	Cấy - tháo thuốc tránh thai
103	18.1	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm tuyến giáp
104	18.2	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm các tuyến nước bọt
105	18.15	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)
106	18.16	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)
107	18.18	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm tử cung phần phụ
108	18.2	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)
109	18.3	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng
110	18.31	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo
111	18.32	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng
112	18.33	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm doppler tử cung, buồng trứng qua đường âm đạo
113	18.34	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu
114	18.35	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa

115	18.36	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối
116	18.37	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm doppler động mạch tử cung
117	18.42	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm tầm soát dị tật thai nhi
118	18.43	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay….)
119	18.44	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ….)
120	18.45	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới
121	18.52	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm doppler tim, van tim
122	18.54	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm tuyến vú hai bên
123	18.57	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm tinh hoàn hai bên
124	18.58	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên
125	18.59	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm dương vật
126	22.3	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) phương pháp thủ công
127	22.4	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm nhanh INR (Có thể kèm theo cả chỉ số PT%, PTs) bằng máy cầm tay
128	22.7	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (tên khác: TCK) phương pháp thủ công
129	22.1	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) phương pháp thủ công
130	22.19	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Thời gian máu chảy phương pháp Duke
131	22.12	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)
132	22.28	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật phiến đá)
133	22.292	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định nhóm máu hệ Rh(D) (kỹ thuật phiến đá)
134	23.19	23. HÓA SINH	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]
135	23.2	23. HÓA SINH	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]
136	23.75	23. HÓA SINH	Định lượng Glucose [Máu]
137	23.77	23. HÓA SINH	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]
138	23.166	23. HÓA SINH	Định lượng Urê máu [Máu]
139	23.179	23. HÓA SINH	Định tính beta hCG (test nhanh) [niệu]
140	23.193	23. HÓA SINH	Định tính Opiate (test nhanh) [niệu]
141	23.194	23. HÓA SINH	Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]
142	23.195	23. HÓA SINH	Định tính Codein (test nhanh) [niệu]
143	23.196	23. HÓA SINH	Định tính Heroin (test nhanh) [niệu]
144	23.206	23. HÓA SINH	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)
145	24.1	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Vi khuẩn nhuộm soi
146	24.2	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Vi khuẩn test nhanh
147	24.49	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Neisseria gonorrhoeae nhuộm soi
148	24.6	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Chlamydia test nhanh
149	24.73	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Helicobacter pylori Ag test nhanh
150	24.74	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Helicobacter pylori Ab test nhanh
151	24.98	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Treponema pallidum test nhanh
152	24.108	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Virus test nhanh
153	24.117	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAg test nhanh

154	24.144	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HCV Ab test nhanh
155	24.169	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HIV Ab test nhanh
156	24.183	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Dengue virus NS1Ag test nhanh
157	24.184	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Dengue virus NS1Ag/IgM - IgG test nhanh
158	24.243	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Influenza virus A, B test nhanh
159	24.249	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Rotavirus test nhanh
160	24.254	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Rubella virus Ab test nhanh
161	24.319	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Vi nấm soi tươi
162	24.32	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Vi nấm test nhanh
163	24.321	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Vi nấm nhuộm soi
TỔNG CỘNG: 163 KỸ THUẬT			